

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**
Bản án số: **70/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 28-11-2018
Về việc: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Ngọc Linh

Ông Nguyễn Chí Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa : Ông Lê Quang Văn- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 313/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm: 1991.

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Tổ 9, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Nguyễn Minh S sống chung với nhau từ năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2012. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh S không chăm lo làm ăn và có dấu hiệu không chung thủy. Năm 2014, mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị N và anh S đã sống ly thân. Nay xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Minh S.

Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh S có 02 con chung tên là Nguyễn Gia B, sinh năm 2011 và Nguyễn Ngọc N, sinh năm 2013. Hiện tại chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc N. Đối với con chung Nguyễn Gia B hiện đang sống cùng anh S và ông bà nội tại xã T kể từ khi vợ chồng sống ly

thân. Nay chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc giáo dục con chung Nguyễn Ngọc N, đồng ý giao con chung tên Nguyễn Gia B cho anh S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chị N cung cấp cho Tòa án là 01 Hộ khẩu, 01 giấy CMND của nguyên đơn (bản sao); 01 bản chính giấy chứng nhận kết hôn; 02 bản sao giấy khai sinh của con; 01 đơn xác nhận người bị kiện có mặt tại nơi cư trú; 01 bưu gửi ngày 17/7/2018.

** Đối với bị đơn anh Nguyễn Minh S:* Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết việc ly hôn theo yêu cầu của chị N thì anh S đã được triệu tập nhưng không có mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và các phiên hòa giải. Mặt khác anh Nguyễn Minh S cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với việc giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu:*

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H không có ý kiến gì thêm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên Tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị N được ly hôn với anh S. Về con chung: Qua điều kiện hoàn cảnh của các bên, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu B cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Ngọc N cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và yêu cầu của nguyên đơn thì Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước thụ lý vụ án ly hôn và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Minh S là hôn nhân hợp pháp, các đương sự có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (bl 09). Chị N cho rằng vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn xảy ra, không thể tiếp tục sống chung nên chị N và anh S đã sống ly thân được khoảng 04 năm nay. Nhận thấy tình cảm không còn, nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh S. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh S không có ý kiến xác nhận hoặc bác bỏ lời trình bày của chị N, không đến Tòa án theo giấy triệu tập nhưng căn cứ biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Quán-mẹ ruột của anh S- thì bà Quán xác nhận giữa vợ chồng anh S và chị N đã không sống chung với nhau được một thời gian dài. Do đó, Tòa án nhận thấy lời trình bày của nguyên đơn chị Hoàng Thị N là có cơ sở. Tại phiên tòa, chị N nhất quyết giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh S. Như vậy, mục đích hôn nhân

giữa các đương sự không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận ý kiến của chị Hoàng Thị N về việc chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Minh S.

[2] Về con chung: chị N và anh S có 02 con chung là Nguyễn Gia B, sinh năm 2011 và Nguyễn Ngọc N, sinh năm 2013. Qua xem xét ý kiến của nguyên đơn, mong muốn được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc N vì hiện tại cháu N đang ở với nhà ngoại và thu nhập của chị N chỉ đảm bảo nuôi dưỡng cháu N, không đủ điều kiện chăm sóc thêm cháu Gia Bảo và đồng ý giao cháu B cho anh S được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu B hiện đang học tại trường Tiểu học xã T và gia đình anh S đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Mặc dù cháu B có nguyện vọng được ở với chị N nhưng hiện chị N cũng không có nơi ở ổn định, thu nhập không đảm bảo, gia đình nhà ngoại lại không ở địa phương nên nếu giao cháu B cho chị N nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống và việc học của cháu. Vì vậy, cần giao cháu B cho anh S được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp và cũng gắn trách nhiệm về việc chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của Luật hôn nhân gia đình là có cơ sở. Đối với cháu N, hiện cháu đang ở với chị N nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N giao cháu N cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

[5] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước về tố tụng và quan điểm giải quyết nội dung vụ án là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01, Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 2, Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Minh S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 04/04/2012 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước hết giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Gia B – sinh năm 2011 cho anh Nguyễn Minh S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung tên Nguyễn Ngọc N – sinh năm 2013 cho chị Hoàng Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

3. Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị N chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004837 ngày 24/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hồng